

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2016

Tháng 1 năm 2016

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	8	578	583	5	12.870	64.350	
2	102	5	687	697	10	12.870	128.700	
3	103	8	1.025	1.025	0	12.870	0	
4	104	5	612	612	0	12.870	0	
5	105	7	1.013	1.020	7	12.870	90.090	
6	106	8	1.008	1.025	17	12.870	218.790	
7	107	PSHC				12.870	0	
8	108					12.870	0	
9	109	8	1.032	1.044	12	12.870	154.440	
10	110	8	786	800	14	12.870	180.180	
11	111	7	884	897	13	12.870	167.310	
12	112	5	976	990	14	12.870	180.180	
13	113	8	950	963	13	12.870	167.310	
14	114	8	978	984	6	12.870	77.220	
15	201	8	1.310	1.331	21	12.870	270.270	
16	202	2 Lào	970	989	19	12.870	244.530	
17	203	4 Lào	1.219	1.259	40	12.870	514.800	
18	204	7	810	826	16	12.870	205.920	
19	205	7	1.054	1.065	11	12.870	141.570	
20	206	6	1.039	1.057	18	12.870	231.660	
21	207	7	1.082	1.092	10	12.870	128.700	
22	208	1 CPC	799	817	18	12.870	231.660	
23	209	8	1.054	1.078	24	12.870	308.880	
24	210	4 CPC	1.566	1.592	26	12.870	334.620	
25	211	8	1.263	1.283	20	12.870	257.400	
26	212	2 CPC	907	921	14	12.870	180.180	
27	213	6	1.203	1.215	12	12.870	154.440	
28	214	8	715	724	9	12.870	115.830	
29	301	3 Lào	796	804	8	12.870	102.960	
30	302	8	1.032	1.048	16	12.870	205.920	
31	303	6	950	962	12	12.870	154.440	
32	304	4	1.024	1.038	14	12.870	180.180	
33	305	8	780	793	13	12.870	167.310	
34	306	7	886	891	5	12.870	64.350	
35	307	PSHC				12.870	0	
36	308					12.870	0	
37	309	8	897	909	12	12.870	154.440	
38	310	7	915	935	20	12.870	257.400	

39	311	8		1.106	1.124	18	12.870	231.660	
40	312	2		873	884	11	12.870	141.570	
41	313	6		804	817	13	12.870	167.310	
42	314	7		1.050	1.064	14	12.870	180.180	
43	401	8		718	730	12	12.870	154.440	
44	402	7		869	894	25	12.870	321.750	
45	403	7		863	875	12	12.870	154.440	
46	404	7		651	677	26	12.870	334.620	
47	405	8		670	682	12	12.870	154.440	
48	406	8		756	772	16	12.870	205.920	
49	407	8		754	769	15	12.870	193.050	
50	408	8		713	740	27	12.870	347.490	
51	409	3	Lào	920	931	11	12.870	141.570	
52	410	8		800	814	14	12.870	180.180	
53	411	8		62	68	6	12.870	77.220	
54	412	8		849	863	14	12.870	180.180	
55	413	7		647	650	3	12.870	38.610	
56	414	8		694	705	11	12.870	141.570	
57	501	7		516	524	8	12.870	102.960	
58	502	6		402	407	5	12.870	64.350	
59	503	8		453	462	9	12.870	115.830	
60	504	8		548	555	7	12.870	90.090	
61	505	6		625	633	8	12.870	102.960	
62	506	8		593	613	20	12.870	257.400	
63	507	0		540			12.870	0	
64	508	6		658	673	15	12.870	193.050	
65	509	0		539	544	5	12.870	64.350	
66	510	8		468	482	14	12.870	180.180	
67	511	7		482	492	10	12.870	128.700	
68	512	2		499	504	5	12.870	64.350	
69	513	8		752	764	12	12.870	154.440	
70	514	6		692	702	10	12.870	128.700	
	Cộng	420				857		11.029.590	

(Bằng chữ: Mười một triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà